TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2026/DS-PT
Ngày: 04-3-2026
V/v: "Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Giang.
Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Dũng.
Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên toà.

Trong các ngày 25 tháng 02 và 04 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – thành phố Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89^{A}/2025/QĐPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1951; cư trú: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Nay là phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim Á; cư trú: Khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ, có mặt.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1950; cư trú: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Nay là phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh N, sinh năm 1997, có mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Văn Á1 – Văn phòng L3 – Đoàn luật sư thành phố C.

Cùng cư trú số A, đường T, phường T, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Thị P, sinh năm 1955, có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

3.3. Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1975.

3.4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980.

3.5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981.

3.6. Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1983.

3.7. Ông Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1985.

3.8. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1987.

Cùng cư trú: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Nay là phường T, thành phố Cần Thơ.

3.9. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1954; cư trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ.

3.10. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1962.

3.11. Bà Nguyễn Thị L2 - Sinh năm 1964.

3.12. Bà Nguyễn Thị M1 – Sinh năm 1972.

Cùng cư trú: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Nay là phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, ông L1, bà M1: Bà Nguyễn Thị Kim Á; cư trú: Khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L2: Ông Nguyễn Văn T1. Địa chỉ: Số A M, phường N, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3.13. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1966; cư trú: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Nay là phường T, thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà O: Bà Hồ Thị Thu T2, sinh năm 1981; cư trú: Khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Nay là phường T, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3.14. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1968; cư trú: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ. Nay là xã V, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3.15. Ông Nguyễn Thanh T4 (B1), sinh năm 1981; cư trú: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Nay là phường T, thành phố Cần Thơ, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án; ông Nguyễn Thanh T là bị đơn trong vụ án; bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị M1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Lâm S trình bày như sau:

Về hàng thừa kế: Ông Nguyễn Văn T5 (sinh năm 1922, chết ngày 25/11/2013) và bà Đồng Thị G (sinh năm 1930, chết ngày 20/9/2006) có tất cả 09 người con: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn V (chết năm 1989), Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T3 và Nguyễn Thị M1.

Về di sản thừa kế: Ông T5, bà G chết có để lại khối di sản là quyền sử dụng đất các thửa 592, 593, 594 tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ và các thửa 294, 296 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện T (nay là ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000428 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/4/1998 do hộ ông Nguyễn Văn T5 đứng tên, bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị đơn ông T đang cất giữ. Theo nguyên đơn, ông T5 và bà G chết không để lại di chúc.

Về nội dung yêu cầu tranh chấp: Khi cha mẹ còn sống, có cho bà H một phần đất tại thửa 592, hiện gia đình bà H đang sử dụng cất nhà ở. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông T tách giấy quyền sử dụng đất nhưng ông T không đồng ý. Do đó bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo pháp luật, bà yêu cầu chia bằng hiện vật thành 08 phần bằng nhau cho 08 người con còn sống, riêng ông V đã chết từ năm 1989 thì không được chia.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế của ông T5, bà G để lại.

Tuy nhiên, theo bị đơn cho rằng sau khi bà G chết năm 2006 thì đến năm 2008 ông T5 có lập "Tờ di chúc" ngày 19/02/2008 được chứng thực số 01/2008, quyển số 01–TP/CC-SCT/HĐGD ngày 21/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, quận T, thành phố Cần Thơ). Nội dung di chúc ông T5 để lại cho ông T được thừa hưởng 1/2 trong khối di sản chung của ông T5, bà G và một phần di sản mà ông T5 được thừa kế từ phần di sản của bà G chết trước để lại.

Cho nên ông T không đồng ý chia thừa kế thành 08 phần bằng nhau như nguyên đơn yêu cầu, đồng thời có đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận "Tờ di chúc" lập ngày 19/02/2008 là hợp pháp, công nhận cho ông T được hưởng thừa kế theo di chúc đồng thời ưu tiên ổn định cho ông T được quyền sử dụng các thửa đất 592, 593, 594 tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận T, vì các thửa đất này ông T đã được cha mẹ cho canh tác sử dụng thực tế hơn 30 năm. Ngoài ra, trong thửa đất 594 có khoảng 3.900m^2 do ông xuất tiền bồi hoàn lại cho ông Nguyễn Văn C2 để nhận đất canh tác từ khoảng năm 1986 đến nay. Phần di sản còn lại sau khi chia theo di chúc thì đồng ý phân chia thừa kế cho các anh, chị, em.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị M1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Lâm S trình bày như sau:

Thống nhất quyền sử dụng các thửa đất 592, 593, 594, 294 và 296 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000428 cấp ngày 01/4/1998 do hộ ông Nguyễn Văn T5 đứng tên là tài sản chung của ông T5 và bà G để lại. Cha mẹ đều đã chết không để lại di chúc nên toàn bộ quyền sử dụng đất nói trên trở thành di sản thừa kế theo pháp luật. Nay bà H2, ông L1, bà L2 và bà M1 thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại thành 08 phần bằng nhau và chia theo hiện vật, riêng ông V đã chết thì không chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị O và bà Nguyễn Thị T3 thống nhất trình bày:

Thống nhất quyền sử dụng các thửa đất 592, 593, 594, 294 và 296 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000428 cấp ngày 01/4/1998 do hộ ông Nguyễn Văn T5 đứng tên là tài sản chung của ông T5 và bà G. Khi còn sống cha mẹ đã chia đất cho các con xong và mỗi người đã sử dụng đất ổn định hơn 30 năm, hiện bà O đang sử dụng phần đất tại thửa 296, bà T3 đang sử dụng đất tại thửa 294 nên ý kiến bà O, bà T3 là phần người nào đã sử dụng ổn định thì không đem ra chia thừa kế. Bà O và bà T3 yêu cầu được ổn định phần đất đang sử dụng tại thửa 294 và 296, không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông Nguyễn Văn V chết năm 1989 (chết trước ông T5, bà G), có vợ là Đặng Thị P và các con là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Hữu C1 và Nguyễn Thị N1. Bà Đặng Thị P trình bày ý kiến: Ông T5, bà G đã có chia đất cho các con mỗi người một phần sử dụng ổn định hơn 30 năm. Bà P và các con ông V yêu cầu phần người nào đã được chia sử dụng ổn định thì không đem ra phân chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T4 (tên gọi khác là B) trình bày:

Ông T4 là cháu nội của ông Nguyễn Văn T5. Khi còn sống, ông T5 có cho ông T4 một phần đất ruộng tại thửa 296 từ trước năm 2000, sau đó đến năm 2009 có viết giấy tay cho đất. Ông T4 đã đổi thửa đất 296 với bà Nguyễn Thị T3 với diện tích khoảng 5.200m^2 cách nay hơn 10 năm, hiện bà T3 đang cư trú, sử dụng ổn định trên thửa 296. Qua việc nguyên đơn tranh chấp yêu cầu chia thừa kế, ý kiến ông T4 yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất đã được ông T5 cho tại thửa 296, không đồng ý chia theo yêu cầu nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, UBND quận T có ban hành Quyết định số 2893/QĐ-UBND và 2894/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 về việc thu hồi đất để xây dựng dự án đường T: thu hồi 1.703,7m^2 đất CLN tại thửa 593 và 66,1m^2 đất CLN tại thửa 592. Căn cứ Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường T: Tổng số tiền được phê duyệt bồi thường là 1.767.455.650 đồng, trong đó bị đơn ông T đã nhận trước số tiền 422.407.650 đồng. Số tiền còn lại là 1.345.048.000 đồng do Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận T quản lý, tạm gửi vào kho bạc quận T chờ Tòa án giải quyết xong tranh chấp sẽ tiến hành chi trả cho các đương sự theo Bản án, Quyết định của Tòa án.

Đối với thửa đất số 294 và 296, Tòa án đã nhiều lần thành lập Hội đồng để đo đạc, thẩm định thực tế tuy nhiên gia đình bà O, bà T3 đang quản lý, sử dụng đất có thái độ ngăn cản không cho đo đạc, không cho thẩm định tài sản trên đất. Thửa 294 ông L1 chỉ ranh đo đạc chưa hết diện tích thửa đất, có tranh chấp ranh đất với các thửa tứ cận liền kề nên không tiến hành đo đạc được thửa 294, 296.

Tòa án đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thống nhất thỏa thuận được với nhau do đó vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H và người liên quan bà H2, ông L1, bà L2, bà M1 là ông Trần Lâm S xác định không yêu cầu hủy đối với "Tờ Di chúc" của ông Nguyễn Văn T5 lập ngày 19/02/2008 như Đơn khởi kiện trước đây. Nguyên đơn đồng ý chia di sản thừa kế theo tờ di chúc đối với phần di sản của ông T5 và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của bà G để lại trong đó yêu cầu chia bằng hiện vật làm 09 kỷ phần cho 09 người con theo quy định, không đồng ý chia bằng giá trị đất. Nguyên đơn không yêu cầu chia đối với các tài sản gắn liền trên đất.

Đại diện bị đơn ông Nguyễn Văn T6 yêu cầu công nhận tờ di chúc của ông T5 lập ngày 19/02/2008, ưu tiên chia cho ông T được nhận di sản bằng hiện vật tại các thửa 592, 593, 594 bởi vì ông T đã được cha mẹ cho đất và sử dụng ổn định trên 30 năm. Bị đơn đồng ý chia bằng hiện vật đối với các phần đất ký hiệu A, B, C, D, E theo "Bản trích đo địa chính" số 87/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài

nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 26/01/2024, trong đó đồng ý tách giấy cho mỗi phần đất là 40m^2 loại đất ODT, phần di sản còn lại sau khi trừ đi hiện vật thì đồng ý chia giá trị đất cho các đồng thừa kế. Ngoài ra, bị đơn yêu cầu xem xét công sức tôn tạo, duy trì làm tăng giá trị đất cho ông T, tương đương với 01 kỷ phần và tính toán khấu trừ phần 3900m^2 đất ruộng mà ông T đã bồi hoàn giá trị cho ông Nguyễn Văn C2 từ năm 1986.

Bà Nguyễn Thị O trình bày: không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của nguyên đơn bởi vì cho rằng phần đất bà O đang sử dụng tại thửa 296 đã được cha mẹ cho và sử dụng ổn định trên 30 năm, trước đây các đồng thừa kế mỗi người đều đã có phần được cha mẹ cho riêng, không có ai tranh chấp yêu cầu chia đối với thửa 296. Đối với thửa 294 do ông L1 sử dụng canh tác, có phát sinh tranh chấp ranh đất với thửa 295 của bà O đứng tên, ông L1 không biết ranh phần đất thửa 294 nên khi đo đạc chỉ ranh lấn qua thửa 295, 299 của bà O đứng tên riêng do đó bà O mới ngăn cản không cho đo đạc.

Ông T và bà O thống nhất xác định giá đất tranh chấp tại phường T theo biên bản lập ngày 22/4/2025, đất ODT = 1.800.000 đồng/m^2; đất CLN = 380.000 đồng/m^2; đất LUC = 250.000 đồng/m^2. Đối với giá đất Lúa tại xã V, huyện V do kết quả định giá hiện nay thấp hơn kết quả định giá năm 2022, nên ông T và bà O thống nhất đồng ý tính giá đất tranh chấp theo giá cũ là 150.000 đồng/m^2.

Người liên quan ông Nguyễn Thanh T4 xác định thửa đất 296 là của ông T5 tặng cho ông và ông đã thỏa thuận đổi đất với bà Nguyễn Thị T3, hiện bà T3 sử dụng thửa 296, còn ông T4 đổi đất bà T3 ở huyện C canh tác sử dụng. Do đó nay ông T4 không đồng ý chia di sản thừa kế đối với thửa 296 vì sẽ ảnh hưởng quyền lợi của ông và bà T3 trong việc thỏa thuận đổi đất.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T3 vắng mặt, con bà T3 là Võ Văn D có mặt cho biết bà T3 hiện đang ở nước ngoài (Hàn Quốc) nên không về tham gia phiên tòa được.

Về tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản: các đương sự thống nhất mỗi người thừa kế phải chịu tương ứng với kỹ phần thừa kế được hưởng.

Tại bản án sơ thẩm số 55/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – thành phố Cần Thơ) tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thanh T. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị L2.

1. Công nhận "Tờ Di chúc" của ông Nguyễn Văn T5 lập ngày 19/02/2008, được chứng thực số 01/2008, quyển số 01-TP/CC-SCT/HĐGD ngày 21/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, quận T), thành phố Cần Thơ là di chúc hợp pháp.

2. Phân chia di sản thừa kế bao gồm các thửa đất số 592, 593, 594 tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ và các thửa đất số 294, 296 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện T (nay là ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000428 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/4/1998 do hộ ông Nguyễn Văn T5 đứng tên, cụ thể:

+ Ông Nguyễn Thanh T được chia diện tích đất 3.211,1m^2 (trong đó có 160m^2 đất ODT và 3.051,1m^2 đất CLN) tại thửa 592, 593 và diện tích đất 15.909 m^2 loại đất LUC tại thửa 594 (trừ các phần đất vị trí ký hiệu A, B, C, D và E tổng diện tích 946,3m^2; đường giao thông 227,3m^2; đất cặp rạch 217,3m^2).

+ Ông Nguyễn Thanh T được chia số tiền bồi thường thu hồi đất dự án đường T là 1.345.048.000 đồng *(Một tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi tám ngàn đồng)*.

+ Các con ông Nguyễn Văn V gồm Nguyễn Thị L, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Hữu C1, Nguyễn Thị N1 được chia diện tích đất 144,6m^2 (ký hiệu A) + diện tích đất 146,4m^2 (ký hiệu B), tổng diện tích là 291m^2 trong đó gồm 40m^2 đất ODT và 251m^2 đất CLN, tại thửa 592, 593.

+ Bà Nguyễn Thị T3 được chia diện tích đất 200,5m^2 (ký hiệu C) trong đó gồm 40m^2 đất ODT và 160,5m^2 đất CLN tại thửa 592, 593.

+ Bà Nguyễn Thị M1 được chia diện tích đất 172,2m^2 (ký hiệu D) trong đó gồm 40m^2 đất ODT và 132,2m^2 đất CLN tại thửa 592, 593.

+ Bà Nguyễn Thị H được chia diện tích đất 282,6m^2 (ký hiệu E) trong đó gồm 40m^2 đất ODT và 242,6m^2 đất CLN tại thửa 592, 593.

Vị trí, kích thước, diện tích cụ thể của các phần đất được chia tại thửa 592, 593, 594 được xác định căn cứ theo Bản trích đo địa chính số Bản trích đo địa chính số 87/TTKTTNMT của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 26/01/2024 *(đính kèm)*.

+ Bà Nguyễn Thị O và Nguyễn Thị T3 được chia chung diện tích đất 3337m^2 loại đất Mn/Hg tại thửa 294 và 10.941m^2 đất 2L tại thửa 296. Vị trí, diện tích được xác định căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000428 cấp ngày 01/4/1998.

Về phần chia tiền giá trị đất:

Buộc ông Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm trả cho bà H, các con ông V (nhận chung), bà H2, ông L1, bà L2, bà M1, bà O, bà T3 mỗi người số tiền 10.553.750 đồng *(Mười triệu, năm trăm năm mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng)*.

Buộc bà Nguyễn Thị O và Nguyễn Thị T3 phải có trách nhiệm liên đới trả cho các con ông V (nhận chung) số tiền 173.681.750 đồng *(Một trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi mốt ngàn, bảy trăm năm mươi đồng)*; trả cho bà M1 số tiền 218.825.750 đồng *(Hai trăm mười tám triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi đồng)*; trả cho bà H số tiền 176.873.750 đồng *(Một trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng)*; trả cho bà H2, ông L1, bà L2 mỗi người số tiền 341.061.750 đồng *(Ba trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi mốt ngàn, bảy trăm năm mươi đồng)*.

Trường hợp những người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả tại giai đoạn thi hành án thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người chậm trả đối với số tiền trên phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Tách quan hệ tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thanh T4 và bà Nguyễn Thị T3 giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị M1 có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập chia thừa kế theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xem xét công sức tôn tạo, duy trì làm tăng giá trị đất để chia thêm một kỷ phần thừa kế có giá trị 341.061.750đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh T có người đại diện theo ủy quyền rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đồng thời trình bày: Trên đất có Nhà của ông T, vợ con ông B, (vợ con ông Nguyễn Văn K, Võ Thị O1, Nguyễn Thị Tường V1 21 tuổi, Nguyễn Thanh H3 17 tuổi), Nguyễn Huy C3 có vợ và con ở trên đất. Tổng cộng có 04 cái nhà, các con ông T tự cất.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị M1 có thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng và nội dung vụ án. Cụ thể: Việc triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và hàng thừa kế của ông V là không đúng quy định; Chưa triệu tập bà Tiếng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; Chưa tiến hành điều tra hiệu lực của di chúc mà đã công nhận di chúc hợp pháp là thiệt thòi quyền lợi của các đương sự khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Các đương sự trước đây chỉ yêu cầu mở lối đi, việc không mở lối đi không phải lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự có kháng cáo nhưng kháng cáo vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. ban đầu chỉ kháng cáo sửa án về nội dung, bà T3 trước đây có tham dự phiên tòa, có yêu cầu, sau đó mới đi nước ngoài là tự từ bỏ quyền lợi của mình, các phần thừa kế của những người này có thể tạm giao không cần thiết hủy án. Đối với di chúc giả tạo thì bà O1 thừa nhận có di chúc, trước đây đã có chia cho các người con ai cũng có phần, việc CCCD không ảnh hưởng ý chí và nội dung di chúc. Di chúc là do ông T5 tự làm và được công chứng chứng thực hợp pháp. Cấp sơ thẩm đương sự đều thống nhất nội dung di chúc, không yêu cầu hủy nội dung di chúc. Việc thay đổi ý kiến là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Việc không mở lối đi có thể tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

Ông T5 là người để lại di sản, trước đây cũng có đơn báo mất CMND là sự thật khách quan. Do vài năm sau ông T5 mới lập di chúc. Di chúc đã được chứng thực hợp pháp, là ý chí tự nguyện của ông T5 cho đất ông T, phù hợp lời khai của bà O1 là con ông T5. Các đương sự phải tự chịu trách nhiệm về lời trình bày của

mình, về ý chí tự định đoạt. Có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo nhưng không được vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu.

Đại diện bị đơn trình bày: Trước đây đã ủy quyền cho ông S toàn quyền quyết định, ông S đã thống nhất nội dung di chúc nên lên cấp phúc thẩm thay đổi ý kiến là không phù hợp. Về số CMND tôi chưa được tiếp cận, công an chỉ xác nhận tại thời điểm này không lưu trữ thông tin tàng thư đó của ông T5 ngoài ra không xác nhận nội dung gì khác, ông T5 đã làm đơn xác nhận CCCD đúng quy định, giấy CMND cấp năm 1997 nên thời điểm sau này không lưu trữ không chứng minh vấn đề gì. Chưa đủ cơ sở khẳng định nội dung di chúc là không hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị O trình bày: Bà Từ chối nhận di sản ông T5 để lại chỉ nhận phần đất thửa 295, 299 bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nhận thêm và không có nghĩa vụ bồi thường gì thêm. Không thống nhất kháng cáo của nguyên đơn và người liên quan, xem xét theo quy định.

Ông T1 đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L2 trình bày: Bảo lưu quan điểm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm do Hàng thừa kế thứ nhất của ông V không được triệu tập tham gia phiên tòa, bà T7 đi nước ngoài nhưng không có thủ tục ủy thác tư pháp cho bà T3. Thông tin số CCCD theo di chúc không đúng, không phải của ông T5. Tôi cho rằng không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, đó là quyền của đương sự. Bị đơn không cung cấp di chúc để giám định làm ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn và người liên quan, số CMND không có nên không hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T4 trình bày: Thống nhất ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã trình bày. Đề nghị y án sơ thẩm, trên đất tranh chấp có nhà của ông sống cùng vợ con; nhà của ông Nguyễn Văn K sống cùng vợ, con; Nhà của ông Nguyễn Huy C3 sống cùng vợ, con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ về cho Tòa án khu vực giải quyết lại theo quy định do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; bị đơn ông Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị M1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với kháng cáo bổ sung của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị M1 về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Xét thấy nội dung kháng cáo này vượt quá

phạm vi kháng cáo ban đầu (sửa bản án sơ thẩm) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, cấp sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng và nội dung giải quyết như sau:

[3.1] Đối với phần trích yếu ngày của bản án sơ thẩm chỉ được thể hiện một ngày duy nhất vào ngày tuyên án. Cấp sơ thẩm ghi "Ngày: 26, 27/6/2025" là chưa đúng theo Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) nên cần rút kinh nghiệm.

[3.2]. Thứ hai, khi phân chia thừa kế cho các đương sự, trên phần đất chia thừa kế, có 1 phần là đất mồ mã chung của gia đình nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không tách riêng phần đất mồ mã mà chia thừa kế luôn phần đất này cho bị đơn trong khi chưa có ý kiến của các đương sự còn lại, là chưa đúng. Lẽ ra, khi giải quyết ở cấp sơ thẩm phải tách riêng diện tích đất mồ mã, lối đi vào khu mồ mã làm nơi thờ cúng chung, phần đất còn lại tiến hành chia thừa kế mới phù hợp.

[3.3]. Thứ ba, khi phần chia di sản, Hội đồng xét xử sơ thẩm chia cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M1 và bà Nguyễn Thị T3, mỗi người một phần đất nhưng không có đường đi là giải quyết chưa triệt để vụ án. Nguyên tắc khi phân chia thừa kế quyền sử dụng đất bằng hiện vật, gắn liền với thủ tục tách thửa và bắt buộc phải đảm bảo điều kiện về lối đi. Như vậy, việc phân chia di sản cho các đương sự nêu trên nhưng không có đường đi vào phần đất được phân chia là chưa phù hợp.

[3.4]. Mặt khác, nội dung vụ án liên quan trực tiếp đến "Tờ di chúc" ngày 19/02/2008 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thành phố Cần Thơ) chứng thực số 01/2008, quyển số 01-TP/CC-SCT/HĐGD ngày 21/02/2008. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo cũng cho rằng Tờ di chúc không hợp pháp, việc chứng thực của Ủy ban là không đảm bảo về nội dung cũng như về trình tự, thủ tục nhưng chưa được làm rõ ở cấp sơ thẩm, do vậy, cần thiết phải đưa Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố Cần Thơ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết triệt để vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn và các con của bị đơn cũng khai nhận, trên phần đất tranh chấp, các con của bị đơn gồm vợ, con ông Nguyễn Huy C3, vợ con ông Nguyễn Thanh T4, vợ con ông Nguyễn Văn C4 đã xây dựng nhà và sinh sống trên phần đất này từ trước khi các đương sự tranh chấp. Nhưng các đương sự này vẫn không được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[3.5]. Đồng thời, việc triệu tập tham gia tố tụng đối với bà Nguyễn Thị T3 và các thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn V (L, Đ, H1, M2, C, C1, N1) cũng chưa đảm bảo đúng quy định.

[3.6]. Đối với số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất 1.345.048.000đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) do Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T quản lý, tạm gửi vào kho bạc nhà nước, số tiền này cũng là di sản thừa kế. Nhưng cấp sơ thẩm không đưa

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là thiếu sót.

Từ những nhận định trên cho thấy, tuy có phần lỗi của các đương sự: không cho thực hiện việc thẩm định, không cung cấp địa chỉ chính xác, cam kết chuyển giao giấy triệu tập nhưng không thực hiện... nhưng những sai sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các đương sự khác. Do vậy, cần hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

[4]. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án tương đồng, phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận. Do hủy án vì vi phạm thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết, Hội đồng xét xử chưa xem xét kháng cáo của đương sự.

[5]. Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6]. Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 55/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – thành phố Cần Thơ) và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm: Đương sự không phải chịu. Bà Nguyễn Thị M1 được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000432 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 04 tháng 02 năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND khu vực 3 - Cần Thơ;
- VKSND TP Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Giang